CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***486 378***	***90 124***	***401 924***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**138 977**	**24 325**	**114 652**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***10 600***	***10 484***	***116***			
1		NHÔM ĐẮK NÔNG	19/8	2119/8		THANH BÌNH 68	CÁM 5A.1	2 900	2 825	75	26/8	HỘ LỚN	
2		NHÔM LÂM ĐỒNG	19/8	2120/8	29/8	THANH BÌNH 68	CÁM 5A.1	4 200	4 178	22	26/8	HỘ LỚN	
3		ĐTTM & DỊCH VỤ	24/8	2151/8	31/8	BN 3039	CÁM 4A.1	2 500	2 485	15	26/8	TD	
4		THAN SÔNG HỒNG	25/8	2079/8	31/8	BN 1816	CÁM 4A.1	1 000	996	4	26/8	TD	GIA HẠN LẦN 1
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***34 321***	***13 841***	***20 480***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	17/8	522/8		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.1	25 100	10 107	14 993	RỐT DỞ	HỘ LỚN	TTCO: 25.100
2		CP XNK THAN	21/8	2149/8	31/8	VIỆT THUẬN 03-02	CÁM 5A.1	2 969	2 677	292	RỐT DỞ	PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	20/8	2145/8	30/8	THANH BÌNH 18	CÁM 5A.1	2 200		2 200		PTCB	
4		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/8	2018B/8	31/8	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 160	1 057	103	RỐT DỞ	TD	Tiếp theo TBRT 2018/8
5		KDT MIỀN BẮC	25/8	2153/8	31/8	HD 5935	CÁM 1	2 892		2 892		TD	
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***94 056***		***94 056***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	28/7	484/7		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTCO: 23.000
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	20/8	525/8		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.14	26 600		26 600		HỘ LỚN	TTCO: 11.600 TTHG: 15.000
4		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/8	2115/8	25/8	HN 2402	CÁM 4A.1	2 500		2 500		TD	
5		XD CN MỎ	26/8	2121/8	31/8	BN 8707	CỤC XÔ 1C	1 300		1 300		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	20/8	2142/8	27/8	BN 1798	CÁM 4B.1	1 300		1 300		TD	
7		THAN MIỀN TRUNG	20/8	2045/8	27/8	VIỆT TRUNG 68	CỤC XÔ 1C	1 300		1 300		TD	GIA HẠN L1
8		DVVT QUẢNG NINH	20/8	2138/8	27/8	BN 1818	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	
9		CP VẬN TẢI THỦY	20/8	2143/8	27/8	BN 2115	CÁM 4B.1	1 400		1 400		TD	
10		CP VẬN TẢI THỦY	20/8	2144/8	27/8	BN 2706	CÁM 4B.1	1 600		1 600		TD	
11		CP VẬN TẢI THỦY	24/8	2152/8	31/8	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
12		ĐTTM & DỊCH VỤ	25/8	2020/8	31/8	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 150		1 150		TD	GIA HẠN L2
13		DDTKST ĐÔNG BẮC	26/8	2155/8	31/8	BN 2869	CÁM 4A.1	2 000		2 000		TD	
14		KDT MIỀN BẮC	26/8	2156/8	31/8	HP 5915	CÁM 1	2 376		2 376		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
15		KDT HẢI PHÒNG	26/8	2164/8	31/8	BN 1826	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
	Tàu chuyển tải							**170 300**	**22 730**	**147 570**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***90 550***	***22 730***	***67 820***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/8	516/8		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250	15 230	26 020	DỞ	HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 - CLM:20.000 - KVCP:11.250
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/8	524/8		TRƯỜNG NGUYÊN SKY	CÁM 6A.1	26 300	7 500	18 800	DỞ	HỘ LỚN	TTHG:21.000 - KVCP:5.300
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	24/8	529/8		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTHG: 18.000 KVCP: 5.000
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***79 750***		***79 750***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	20/8	517B/8		HẢI NAM 39	CÁM 6A.14	28 650		28 650		HỘ LỚN	KDTCP: 7.000 - XNKT:10.000 - KVCP:11.2650 Thay TBRT Số 517/8
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	20/8	526/8		HẢI NAM 79	CÁM 6A.10	27 500		27 500		HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 - XNKT:13.000 - KVCP:4.500
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	24/8	530/8		GOLDEN STAR	CÁM 6A.1	23 600		23 600		HỘ LỚN	TTHG: 23.600
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**66 055**	**14 544**	**51 511**			
	Tàu đã làm hàng							***6 590***	***6 477***	***113***			
1		KDT CẦU ĐUỐNG	18/8	2110/8	28/8	BN 1916	CÁM 7C	1 440	1 434	6	26/8	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		VT QUẢNG NINH	25/8	2092/8	31/8	BN 2629	CÁM 8A	1 950	1 945	5	26/8	TD	NGUỒN CS GIA HẠN LẦN 1
3		XNK VTA	26/8	2093B/8	31/8	BN 2611	CÁM 8A	1 100	1 083	17	26/8	TD	NGUỒN CS GIA HẠN LẦN 1
4		MV WOOLLOOMOOLOO	19/8	4 246		CỬA ÔNG 10	TNK - ÚC	2 100	2 016	84	21/8	BỐC THAN NK	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***13 278***	***8 066***	***5 212***			
1		KDT HÀ BẮC	20/8	2136/8	30/8	BN 2555	CÁM 7B	2 950	1 211	1 739	RỚT DỞ	PTCB	NGUỒN CS
2		ĐTTM & DỊCH VỤ	21/8	1973/8	28/8	NĐ 3692	CÁM 8A	2 400	723	1 677	RỚT DỞ	TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
3		CBT QUẢNG NINH	25/8	1993/8	31/8	QN 8759	CÁM 8B	1 700		1 700		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 2
4		VIỆT THUẬN 235-07	18/8	4 240		QNL - TĐ 09	TNK - LÀO	6 228	6 131	97	BỐC DỞ	BỐC THAN NK	
	Tàu đã làm lệnh							***46 187***		***46 187***			
1		KDT BẮC TRUNG BỘ	26/8	2158/8	31/8	NB 8308	CÁM 7B	3 100		3 100			NGUỒN ĐN-C6

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		XNK ANH KHOA	25/8	2091/8	31/8	HP 6563	CÁM 8A	2 200		2 200		TD	NGUỒN CS GIA HẠN LẦN L
3		TĐ THÁI SƠN HP	25/8	2097/8	31/8	QN 8876	CÁM 8A	1 986		1 986		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 1
4		TRƯỜNG ANH 888	26/8	2107/8	31/8	HD 2266	CÁM 8A	1 979		1 979		TD	NGUỒN CS GIA HẠN LẦN 1
5		THAN MIỀN TRUNG	26/8	2109/8	31/8	VIỆT TRUNG 69	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 1
6		XNK VTA	26/8	2113/8	31/8	QN 8764	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN CS GIA HẠN LẦN 1
7		TRƯỜNG ANH 888	26/8	2116/8	31/8	AN VINH 68	CÁM 8A	2 150		2 150		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 1
8		XDCN MỎ	19/8	2118/8	29/8	HD 3028	CÁM 8A	2 879		2 879		TD	NGUỒN ĐN-C6
9		XNK ANH KHOA	19/8	2128/8	29/8	HOÀNG ANH 28	CÁM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN ĐN-C6
10		KDT HÀ NỘI	19/8	1922/7	26/8	BN 0988	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C7
11		DVVT QUẢNG NINH	20/8	2132/8	27/8	LAM HỒNG 99	CÁM 8A	2 150		2 150		TD	NGUỒN ĐN-C6
12		CP VẬN TẢI THỦY	20/8	2137/8	27/8	BN 3046	CÁM 8A	1 800		1 800		TD	NGUỒN ĐN-C6
13		SX & TM THAN UÔNG BÍ	20/8	2139/8	27/8	HD 2325	CÁM 8A	1 360		1 360		TD	
14		TRƯỜNG ANH 888	20/8	2140/8	27/8	BN 1883	CỤC XÔ 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-C6
15		DVVT QUẢNG NINH	21/8	1937/8	28/8	BN 2139	CỤC XÔ 1A	1 050		1 050		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 3
16		VẬN TẢI & KDT	21/8	2033/8	28/8	BN 1336	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 1
17		DVVT QUẢNG NINH	21/8	2044/8	28/8	BN 2388	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 1
18		XNK ANH KHOA	22/8	2150/8	29/8	TIẾN THỊNH 09	CÁM 8A	1 600		1 600		TD	
19		CP VẬN TẢI THỦY	25/8	2074/8	31/8	BN 2222	CÁM 8A	1 672		1 672		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 1
20		CP VẬN TẢI THỦY	25/8	2154/8	31/8	HD 1818	CÁM 8A	1 981		1 981		TD	NGUỒN CS
21		THAN SÔNG HỒNG	26/8	2157/8	31/8	BN 2635	CỤC DON 8C	900		900		TD	NGUỒN HL
22		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/8	2163/8	31/8	HD 9189	CÁM 8A	2 200		2 200		TD	NGUỒN CS
23		XDCN MỎ	26/8	2162/8	31/8	NB 8530	CÁM 8A	1 200		1 200		TD	NGUỒN CS
24		KDT CẦU ĐUỐNG	26/8	2161/8	31/8	QN 8539	CỤC XÔ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN TN
25		SX & TM THAN UÔNG BÍ	26/8	2166/8	31/8	BN 1997	CỤC XÔ 1A	550		550		TD	NGUỒN ĐN-C6
							CỤC XÔ 1B	550		550			
26		MV WOOLLOOMOOLOO	19/8	4 246		CẨM PHẢ 22	TNK - ÚC	3 880		3 880		BỐC THAN NK	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							-	-	-			
	Tàu đã làm hàng												

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**15 740**	**2 956**	**12 784**			
	Tàu đã làm hàng							***2 970***	***2 956***	***14***			
1		NHÔM LÂM ĐỒNG	19/8	2 126	29/8	HOÀNG ANH 39	Cám 5a.1	1 630	1 627	3	26/8	HỘ LỚN	
							Cục 4A.2	1 340	1 328	12	26/8	HỘ LỚN	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***3 685***		***3 685***			
1		KDT MIỀN BẮC	21/8	2147/8	31/8	BN 2728	Cám 6a.1	2 585		2 585		PTCB	
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/8	2165/8	31/8	BN 2196	Cục Xô 1b	1 100		1 100		TD	NGUỒN DH
	Tàu đã làm lệnh							***9 085***		***9 085***			
1		NHÔM LÂM ĐỒNG	26/8	2159/8	31/8	HOÀNG GIA 56	CỤC 4A.2	1 370		1 370		HỘ LỚN	NGUỒN QH+KDTCP
2		NHÔM ĐĂK NÔNG	26/8	2160/8	31/8	HOÀNG GIA 56	CÁM 5A.1	1 715		1 715		HỘ LỚN	NGUỒN DH
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	17/8	2084/8	27/8	MINH TÂN 68	Cám 5a.1	3 700		3 700		PTCB	
4		TĐ THÁI SƠN HP	20/8	2133/8	27/8	HP 7227	Cục Xô 1b	1 200		1 200		TD	
5		ĐTTM & DỊCH VỤ	26/8	1941/8	31/8	BN 2808	Cục Xô 1b	1 100		1 100		TD	NGUỒN DH
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**50 000**	-	**50 000**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***15 000***		***15 000***			
1		INDONESIA	7/8	5589		MV HUI FENG HAI 16	CỤC 5B.2	15 000		15 000			
	Tàu đã làm lệnh							***35 000***		***35 000***			
1		HÀN QUỐC	14/8	5742		MV JIAN RUI 7	Cục 4A.3	4 000		4 000			
2		HÀN QUỐC	17/8	68/8		MV HAI PENG	CỤC 4B.3	5 000		5 000			
3		INDONESIA	17/8	5771		MV LI FA 2	CỤC 5B.2	23 000		23 000			
4		NHẬT BẢN	21/8	5887		MV RICH OCEAN	CÁM 3B.1	1 500		1 500			
							CÁM 3C.1	1 500		1 500			
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**45 306**	**25 570**	**25 406**			
	Tàu đã làm hàng							***20 000***	***19 822***	***178***			
1		ÚC	12/8	5680		MV WOOLLOOMOOLOO	Than nhiệt xuất xứ tù Úc	20 000	19 822	178	26/8		TTCO:13.976,89 KVCP: 5.844,67

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***40 306***	***25 570***	***20 406***			
1		NAM PHI	13/8	5705		MV COMMON SPIRIT		14 906	5 670	14 906	BỐC DỞ		TTCO: 5.000 - KVCP: 9.960
2		LÀO	21/8	5917		VIỆT THUẬN 26-03	Than Anthracite Lào	5 400		5 400			TTCO: 5.400
	Tàu đã làm lệnh							***5 000***		***5 000***			
1		LÀO	21/8	5919		VIỆT THUẬN 26-02	Than Anthracite Lào	5 000		5 000			TTCO: 5.000